

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 15 tháng 8 năm 2024  
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị

Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Ngọc D - sinh năm 1980.

ĐKHKTT: khu 14 (nay là khu 10), xã V, huyện L, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T - sinh năm 1979.

ĐKHKTT: khu 14 (nay là khu 10), xã V, huyện L, tỉnh P.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Đoàn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị Phan Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị T.

Về con chung: anh Đoàn Ngọc D xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Đoàn B, sinh ngày 08/6/2013. Khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Đoàn Ngọc D tự nguyện xin chịu toàn bộ.

- Bị đơn chị Phan Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai đề ngày 30/11/2023; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị T hoàn toàn nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh D. Chị T đề nghị Tòa án cho chị và anh D được ly hôn.

Về con chung: chị T xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Đoàn B, sinh ngày 08/6/2013. Hiện nay 02 con chung đang được chị chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Chị T nhất trí với yêu cầu về con chung của anh D. Chị đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu B cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị và anh D ly hôn. Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Ngọc D. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Đoàn Ngọc D được ly hôn với chị Phan Thị T. Về con chung: giao cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Đoàn B, sinh ngày 08/6/2013 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về án phí: anh Đoàn Ngọc D phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023 của anh D có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang N. Tại văn bản số 853/QLXNC-Đ1 ngày 10/7/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận việc anh D hiện nay đã xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam và hiện chưa có thông tin

nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này anh D không có mặt ở Việt Nam. Cả anh D và chị T đều đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh D và chị T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đoàn Ngọc D và chị Phan Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lâm Thao, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ năm 2019 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị T.

Tại bản tự khai chị T trình bày: chị hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh D, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh D. Xét thấy anh D và chị T hoàn toàn tự nguyện đề nghị xin được ly hôn với nhau. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của anh D được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện anh D, chị T có 02 con chung là cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Đoàn B, sinh ngày 08/6/2013. Sau khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại bản tự khai chị T cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện về con chung của anh D. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình, cả 02 cháu N và cháu B đều có mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy cả anh D và chị T đều đồng tình với nhau về vấn đề con chung. Do vậy, cần giao cháu N và cháu B cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh D và chị T ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đoàn Ngọc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Ngọc D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đoàn Ngọc D được ly hôn chị Phan Thị T.

[2] Về con chung: Giao cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Đoàn B, sinh ngày 08/6/2013 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Đoàn Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đoàn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Đoàn Ngọc D (do chị Đào Thị Thu Nguyên nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000061 ngày 10/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Phan Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Đoàn Ngọc D là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Viết Anh**